TAND KHU VỰC 2 **ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2025/HS-ST
Ngày: 26/12/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tâm – cán bộ hưu trí

2. Ông Thạch Tân Dân – cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 38/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2025/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Phùng Hoàng P**, sinh ngày 14 tháng 10 năm 1986; tại Đồng Tháp; Số CMND/Thẻ CCCD/Hộ chiếu: 082086018287; cấp ngày 18 tháng 7 năm 2023, Nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH – Bộ Công an; Nơi đăng ký thường trú : Số H, khu phố B, phường G, tỉnh Đồng Tháp; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 5/12; Cha: Phùng Hoàng V, sinh năm 1959 (chết); Mẹ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1952 (chết); Anh chị em ruột có 03 người : lớn nhất sinh năm 1971, nhỏ nhất sinh năm 1989, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Vợ: đã ly hôn (hiện sống chung như vợ chồng với bị cáo Nguyễn Thanh H) ; con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2022; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang thi hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2, tỉnh Đồng Tháp, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Thanh H**, sinh ngày 24 tháng 4 năm 1993; tại Đồng Tháp; Số định danh cá nhân: 082193007414; cấp ngày ** tháng ** năm ****; Nơi đăng ký thường trú: ấp A, xã B, tỉnh An Giang; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 6/12; Cha: Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1969; Mẹ: Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1973; Anh chị em ruột có 02 người: Lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1995; Chồng: Ngô Hưởng L, sinh năm

1990, con: có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang thi hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 2, tỉnh Đồng Tháp, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Nhan Châu Vĩnh P, sinh ngày 15/8/2002. (Có mặt)
Địa chỉ: ấp T, xã V, tỉnh Đồng Tháp.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**
+ Dương Thanh T, sinh ngày 07/12/1977. (Có mặt)
Địa chỉ: khu phố T, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

+ Trần Thanh D, sinh ngày 31/10/1992. (xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp B, xã P, tỉnh Đồng Tháp.

+ Nguyễn Văn G, sinh ngày 15/11/1960. (xin vắng mặt)
Địa chỉ: số N, khu phố H, phường G, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 24/5/2025, bị cáo Phùng Hoàng P điều khiển xe đạp chở bị cáo Nguyễn Thanh H đi bán vé số, khi đến nhà thờ Tin Lành tọa lạc khu phố H, Phường N, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố H, phường G, tỉnh Đồng Tháp), bị cáo H vào đi vệ sinh nhìn thấy xe mô tô hai bánh biển số 63B5-618.73 của bị hại Nhan Châu Vĩnh P dựng trong khuôn viên nhà thờ, chìa khóa còn cắm trên ổ khóa xe, không người trong coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Bị cáo H quay trở ra nói và hỏi bị cáo P lấy trộm không, thì bị cáo P đồng ý. Hai bị cáo đi vào chỗ dựng xe quan sát nhiều lần rồi bị cáo P lấy trộm xe khởi động máy chạy đi về hướng xóm B thuộc khu phố K, phường G, tỉnh Đồng Tháp, bị cáo H điều khiển xe đạp chạy theo sau;

Trên đường đi bị cáo P kiểm tra bên trong cốp xe có số tiền 600.000 đồng, 01 giấy đăng ký xe 63B5-618.73, 01 căn cước công dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 của bị hại Nhan Châu Vĩnh P. Đến sáng ngày 25/5/2025, bị cáo P và bị cáo H đem xe trộm được đi cầm cho ông Dương Thanh T với giá 10.000.000 đồng, vài ngày sau bị cáo H đến gặp ông T cầm thêm 5.000.000 đồng, sau đó cả hai bị cáo đến gặp ông T bán luôn xe với giá 19.000.000 đồng, T đưa thêm số tiền 4.000.000 đồng. Sau khi mua xe, ông T bán xe lại cho anh Trần Thanh D với giá 25.500.000 đồng;

Đến ngày 07/6/2025, bị cáo P đến tiệm cầm đồ K, địa chỉ tại số N, khu phố H, phường G, tỉnh Đồng Tháp cầm cố giấy phép lái xe hạng A1 của bị hại Nhan Châu Vĩnh P cho ông Nguyễn Văn G (sinh năm 1960, chủ tiệm cầm đồ) được số tiền 200.000 đồng. Sau đó bị cáo P lấy 2.000.000 đồng từ số tiền bán xe trộm được mua xe mô tô hai bánh loại Dream Trung Quốc, biển số 60K4-8176 từ một người lạ, không rõ nhân thân lai lịch, đối với số tiền còn lại bị cáo P và bị cáo H tiêu xài cá nhân hết.

Bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 23/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Gò Công kết luận: 01 xe mô tô hai

bánh nhãn hiệu SH Mode, biển số 63B5-618.73 trị giá 24.330.000 đồng (Hai mươi bốn triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng).

Tài liệu, đồ vật, tài sản tạm giữ:

- 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 60K4-8176, số khung: LZSXCHLPX800487, số máy: LC150FMG0809691 và 01 (một) giấy đăng ký xe biển số 60K4-8176;

- 01 (một) giấy cầm đồ của Doanh nghiệp tư nhân dịch vụ cầm đồ K; 01 (một) giấy biên nhận của Cửa hàng mua bán xe T; 02 (hai) tập tin video ghi lại diễn biến vụ việc thu giữ tại hiện trường (kèm trong hồ sơ vụ án)

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại Nhan Châu Vĩnh P đã nhận lại toàn bộ tài sản, riêng số tiền 600.000 đồng không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

- Ông Nguyễn Văn G không yêu cầu các bị caó bồi thường số tiền 200.000 đồng.

- Ông Dương Thanh T yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 19.000.000 đồng nhưng các bị cáo chưa thực hiện.

Tại bản cáo trạng số: 10/CT-VKSKV2 ngày 10/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố Phùng Hoàng P, Nguyễn Thanh H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng: khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Phùng Hoàng P phạm tội "trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

+ Áp dụng: khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh H phạm tội "trộm cắp tài sản". Xử phạt bị cáo từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 60K4-8176, số khung: LZSXCHLPX800487, số máy: LC150FMG0809691 và 01 (một) giấy đăng ký xe biển số 60K4-8176;

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh P, người liên quan ông T, ông G không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng nêu, các bị cáo xác định trong quá trình điều tra là tự nguyện khai báo; các bị cáo thống nhất với các kết luận định giá tài sản; các bị cáo xác định hành vi trộm cắp tài sản người khác

là có tội. Về bồi thường cho bị hại, các bị cáo xin khi nào có tiền sẽ bồi thường. Các bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Nhan Châu Vĩnh P trình bày: anh bị mất 01 xe hon đa SH mode, số tiền 600.000đ trong cốp xe; các giấy tờ như cà vẹt xe, giấy phép lái xe. Anh xác định đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì, kể cả số tiền 600.000đ; về trách nhiệm hình sự yêu cầu xử lý theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Thanh T trình bày: ông có nhận cầm xe của hai bị cáo giá 10.000.000 đồng, vài ngày sau cầm thêm 5.000.000 đồng, sau đó mua luôn xe với giá 19.000.000 đồng, ông T đưa thêm số tiền 4.000.000 đồng. Sau khi mua xe, ông T bán xe lại cho anh Trần Thanh D với giá 25.500.000 đồng. Khi nhận cầm xe ông hoàn toàn không biết xe do trộm cắp mà có. Về số tiền 19.000.000đ, tại phiện tòa hôm nay ông không yêu cầu các bị cáo trả lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt. Nhận thấy việc vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử đối với các bị cáo và không ảnh hưởng đến quyền lợi của họ, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục xét xử vắng mặt những người này.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét thấy, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; biên bản lời khai người bị hại; người liên quan; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Kết luận giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Bị cáo Phùng Hoàng P và Nguyễn Thanh H đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã có hành vi lén lúc chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể:

Lúc 19 giờ 30 phút ngày 24/5/2025, khi bị cáo H nhìn thấy xe xe mô tô hai bánh biển số 63B5-618.73 dựng trong khuôn viên nhà thờ, chìa khóa còn cắm trên ổ khóa xe, không người trong coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Bị cáo H nói với bị cáo P lấy trộm không thì bị cáo P đồng ý. Sau đó bị cáo P là người trực tiếp thực hiện hành vi lấy trộm xe, sau đó bị cáo P phát hiện bên trong cốp xe có số tiền 600.000 đồng và một số giấy tờ cá nhân của bị hại. Sau khi chiếm đoạt được xe thì các bị cáo đem xe đi cầm, sau đó bán lấy tiền tiêu xài.

Bản kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 23/6/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Gò Công kết luận: 01 xe mô tô hai

bánh nhãn hiệu SH Mode, biển số 63B5-618.73 trị giá 24.330.000 đồng (Hai mươi bốn triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng).

Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

[4] Xét về động cơ và mục đích phạm tội: các bị cáo đều đủ khả năng để nhận biết được rằng, hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác trái pháp luật là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo cố ý thực hiện. Các bị cáo là người có đủ sức khoẻ để lao động nuôi sống bản thân và gia đình, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân, thích có tiền tiêu xài nhưng không chịu lao động chân chính mà lại có hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, đồng thời gây mất trật tự ở địa phương nên phải bị xử lý theo pháp luật hình sự.

Xét về tính chất đồng phạm, đây là đồng phạm giản đơn không có sự phân công cụ thể, các bị cáo cùng đi bán vé số chung, khi bị cáo H phát hiện tài sản không người trông giữ thì nói với bị cáo P thực hiện chiếm đoạt tài sản, sau đó cả hai đem đi cầm, bán lấy tiền tiêu xài chung. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm tương ứng với hành vi của mình.

[5] Xét về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy rằng, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, người bị hại Nhan Châu Vĩnh P xác định đã nhận lại toàn bộ tài sản nên không yêu cầu, đối với số tiền 600.000 đồng anh không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường; Ông Dương Thanh T trong phần xét hỏi ông xác định không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 19.000.000đ; Người liên quan Ông Nguyễn Văn G vắng mặt, nhưng hồ sơ thể hiện không yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 200.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận cho các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 (một) giấy cầm đồ của Doanh nghiệp tư nhân dịch vụ cầm đồ K; 01 (một) giấy biên nhận của Cửa hàng mua bán xe T; 02 (hai) tập tin video ghi lại diễn biến vụ việc thu giữ tại hiện trường, là vật chứng, tài liệu cần lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Đối 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 60K4-8176, số khung: LZSXCHLPX800487, số máy: LC150FMG0809691 và 01 (một) giấy đăng ký xe biển số 60K4-8176. Đây là xe các bị cáo mua từ người không xác định lai lịch, qua xác minh chủ xe này xác định đã bán và không có yêu cầu. Như vậy, xe này hai bị cáo mua từ nguồn tiền bất chính nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[8] Về án phí: các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[9] Đối với ông T khi cầm sau đó mua xe của hai bị cáo, nhưng ông không biết đây là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[10] Qua xem xét những chứng cứ buộc tội, những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, xử lý vật chứng và đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 50; Điều 58; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố các bị cáo Phùng Hoàng P và Nguyễn Thanh H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Phùng Hoàng P 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 60K4-8176, số khung: LZSXCHLPX800487, số máy: LC150FMG0809691 và 01 (một) giấy đăng ký xe biển số 60K4-8176.

(Tang vật theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/12/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Đồng Tháp và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2)

Thi hành khi án có hiệu lực.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Bị cáo Phùng Hoàng P và Nguyễn Thanh H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự;

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Các bị cáo, người bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. (Trường hợp vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 2 – Đồng Tháp;
- Cơ quan CSĐT, Cơ quan THA hình sự CA tỉnh Đồng Tháp;
- Phân trại tạm giam Gò Công;
- Trại tạm giam số 2 công an tỉnh Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã (nơi bị cáo cư trú);
- Bị cáo;
- Bị hại; người tham gia tố tụng khác;
- Bộ phận THA Hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Lắm